

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2026/HS-ST

Ngày: 11 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Tất Ái;
 2. Bà Lê Thị Bé Bảy.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Đàm Viễn Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Khánh D, sinh ngày 26/01/2000 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Số CCCD: 082200015872, cấp ngày 31 tháng 3 năm 2025; Nơi cư trú và chỗ ở: **ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: sửa điện lạnh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Phan Ngọc K** (chết) và bà **Nguyễn Thị T**; Bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2025 đến 14/6/2025 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị **Văn Khả T1**, sinh năm 1987; (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: **số B ấp D, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp**;

Tạm trú: **số E Hồ V, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Đặng Thị Hồng L**, sinh năm 2002; (có mặt)

Nơi cư trú: **ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Người làm chứng*: **Diệp Hải Đ**, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: **số E Hồ V, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Khánh D và chị **Văn Khả T1** có quan hệ tình cảm với nhau vào năm 2022, đến cuối năm 2023 thì chia tay. Trong thời gian quen nhau, khoảng tháng 4/2023, khi gặp nhau tại nhà nghỉ, **D** dùng điện thoại di động hiệu Vivo chụp 02 tấm ảnh khóa thân của chị **T1** lưu vào điện thoại. Do cần tiền trị bệnh cho vợ nên **D** nảy sinh ý định gửi các hình ảnh khóa thân cho chị **T1** để uy hiếp tinh thần, buộc chị **T1** phải đưa cho **D** 20.000.000 đồng. **D** mượn điện thoại của chị **Đặng Thị Hồng L** (vợ của **D**) để chụp 02 hình ảnh khóa thân của chị **T1** trong điện thoại của **D**, sau đó **D** gửi 02 hình ảnh qua điện thoại của **D** và xóa thông tin trên điện thoại của chị **L**. Đến khoảng 17 giờ ngày 10/6/2025, **D** dùng điện thoại Vivo, sử dụng tài khoản zalo nhắn tin cho chị **T1**, **D** nói có những hình ảnh khóa thân của chị **T1** và yêu cầu chị **T1** đưa **D** 20.000.000 đồng, nếu chị **T1** không đồng ý, **D** sẽ gửi hình ảnh của chị **T1** cho nhiều người khác biết. Đến khoảng 07 giờ 50 phút ngày 11/6/2025, **D** dùng ứng dụng “AI photo” trên điện thoại để làm rõ 02 hình ảnh khóa thân, thấy rõ mặt của chị **T1** rồi tiếp tục gửi 02 hình ảnh đến tài khoản zalo của chị **T1**. Khi nhìn thấy, chị **T1** rất hoang mang, lo sợ **D** sẽ gửi hình ảnh cho nhiều người, ảnh hưởng đến gia đình và công việc của chị **T1** nên chị **T1** đồng ý đưa **D** số tiền 20.000.000 đồng.

Khoảng 15 giờ 30 ngày 11/6/2025, chị **T1** hẹn **D** tại quán nước thuộc **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp)**. Khi gặp **D**, chị **T1** rất hoảng sợ nên đưa **D** số tiền 20.000.000 đồng. Khi **D** lấy tiền bỏ vào túi quần thì bị lực lượng **Công an xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh Đ**) bắt quả tang và thu giữ số tiền trên.

Kết luận giám định số 804/KL- KTHS(Đ2) ngày 26/6/2025 của **Phòng K1 - Công an tỉnh T** (nay là tỉnh Đồng Tháp) kết luận: số tiền 20.000.000 đồng (gồm 40 tờ **P**, mệnh giá 500.000 đồng) thu giữ đều là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân Khu vực 1 - Đồng Tháp truy tố bị cáo **Nguyễn Khánh D** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Khánh D** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh D** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 11/6/2025 đến ngày 14/6/2025).

3. Về vật chứng:

- Đề nghị tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu xám đen, số IMEI 869519058307157. Tình trạng khi tiếp nhận: máy không lên nguồn, không kiểm tra được số IMEI bên trong.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo **Nguyễn Khánh D** rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bị cáo khai nhận: Vào ngày 11/6/2025, **Nguyễn Khánh D** sử dụng điện thoại gửi những hình ảnh khóa thân của chị **Văn Khả T1**, mục đích để uy hiếp tinh thần, yêu cầu chị **Văn Khả T1** phải đưa **D** số tiền 20.000.000 đồng. Do hoảng sợ nên chị **T1** đồng ý đưa tiền cho **D**. Khi **D** đang nhận tiền tại **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp)** thì bị lực lượng công an bắt quả tang như nội dung Cáo trạng đã nêu, không có oan sai.

Lời khai nhận trên của bị cáo **Nguyễn Khánh D** đã phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hiện trường của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kết luận giám định số 804/KL- KTHS(Đ2) ngày 26/6/2025 của **Phòng K1 - Công an tỉnh T** (nay là tỉnh Đồng Tháp), lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan, người làm chứng, đồng thời khớp với các lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi trên là bị nghiêm cấm nhưng vì để có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy bị cáo phải bị xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm cải tạo, giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Với các chứng cứ tài liệu đã nêu trên, Tòa án có đầy đủ căn cứ để kết luận bị cáo **Nguyễn Khánh D** đã có hành vi sử dụng hình ảnh khỏa thân của chị **Văn Khả T1** để uy hiếp tinh thần, yêu cầu chị **T1** phải đưa **D** số tiền 20.000.000 đồng. Cho nên hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo **Nguyễn Khánh D** là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[2.5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo **Nguyễn Khánh D** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, con của bị cáo còn nhỏ tuổi, gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Trên cơ sở đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo **D** là nguy hiểm cho xã hội. Hơn nữa, hiện nay tình hình các tội phạm dùng thủ đoạn lợi dụng những lỗi lầm, khuyết điểm của bị hại để đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản ngày càng có chiều hướng gia tăng, gây tâm lý hoang mang trong đời sống nhân dân. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục răn đe và phòng chống tội phạm, đồng thời cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo đang gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả các tài sản cho người liên quan do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ.

* Vật chứng còn lại:

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu xám đen, số IMEI 869519058307157. Đây là công cụ bị cáo **D** dùng để phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về hành vi của người có liên quan:

Quá trình điều tra xác định chị **Đặng Thị Hồng L** không biết việc **Nguyễn Khánh D** uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tiền của chị **Văn Khả T1**. Nên không xem xét trách nhiệm đối với chị **Đặng Thị Hồng L** trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Khánh D** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 170; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Các Điều 106; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Khánh D** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 11/6/2025 đến ngày 14/6/2025).

3. Về vật chứng:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu xám đen, số IMEI 869519058307157. Tình trạng khi tiếp nhận: máy không lên nguồn, không kiểm tra được số IMEI bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh Đ** và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1).

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Khánh D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp những người vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- CQCSĐTCA tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV1 - ĐT;
- Phòng THADSKV1-ĐT;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Bị cáo, người bị hại, NLQ;
- Lưu HS, AV.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Thừa